

PHỤ LỤC III

THÔNG TIN

KHU VỰC CẢNG BIỂN TỈNH THÁI BÌNH, TỈNH NAM ĐỊNH

I - THÔNG TIN CẢNG BIỂN THUỘC TỈNH THÁI BÌNH

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Thái Bình (Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các điểm TB1, TB2, TB3, TB4, TB5)

VN - 2000 và được chuyển đổi sang Hệ tọa độ WGS-84 như sau:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ WGS - 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
TB1	20°33'48"	106°34'30"	20°33'44.4"	106°34'36.8"
TB2	20°30'00"	106°44'15"	20°29'56.4"	106°44'21.8"
TB3	20°24'30"	106°44'15"	20°24'26.4"	106°44'21.8"
TB4	20°24'30"	106°39'35"	20°24'26.4"	106°39'41.8"
TB5	20°28'00"	106°35'37"	20°27'56.4"	106°35'43.8"

2. Thông tin các vị trí đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu

Khu neo đậu, khu chuyển tải và tránh bão: Ranh giới được giới hạn từ cửa sông Diêm Điền chạy dọc theo hai bờ sông về phía thượng lưu đến đường thẳng cắt ngang sông cách cống Diêm Điền 100 mét về phía hạ lưu, bao gồm cả khu vực lạch Quang Lang (theo Quyết định số 984/QĐ-CHVN ngày 17/10/2014 của Cục HHVN).

Số TT	Tên	Tọa độ WGS 84		Bán kính	Độ sâu	Trọng tải (DWT)
		Vĩ độ	Kinh độ			
01	Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch vào luồng Diêm Điền	20°30'42"N	106°37'53"E	01 hải lý		
02	Vị trí đón trả hoa tiêu khu chuyển tải xăng dầu Hải Hà	20°29'38,7"N	106°41'16,3"E	222.5 m	-9,3m	20.000
03	Vị trí đón trả hoa tiêu khu chuyển tải Hải Hà	20°28'07,1"N	106°43'41,7 "E	255m	-15,9	48.000

Ranh giới về phía đất liền: Được giới hạn từ điểm TB1 chạy dọc theo bờ phải sông Diêm Điền (tính từ biển vào) đến cách cầu Diêm Điền 100 mét về phía hạ lưu cắt ngang sông chạy dọc theo bờ trái đến cửa sông Diêm Điền (kể cả lạch cống Diêm Điền và lạch Quang Lang) từ cửa sông Diêm Điền chạy dọc theo bờ biển đến cửa sông Trà Lý, cắt ngang qua cửa sông Trà Lý sang bờ trái sông Trà Lý đến điểm TB5.

4. Thông tin khu neo đậu chuyên tải Hải Hà - Thái Bình.

Số TT	Tên	Tọa độ WGS 84		Bán kính	Độ sâu	Trọng tải (DWT)
		Vĩ độ	Kinh độ			
01	Khu chuyển tải xăng dầu Hải Hà	20°29'38,7"N	106°41'16,3"E	222.5m	-9,3m	20.000
02	Khu chuyển Hải Hà KCT số 01	20°28'11,2"N	106°43'44,6"E	255m	-16m	48.000
03	Khu chuyển Hải Hà KCT số 02	20°27'38,36"N	106°43'44,5"E	255m	-16m	48.000

5. Thông tin luồng hàng hải Diêm Điền (tháng 10/2020)

- Chiều rộng đáy luồng: B = 45m
- Chiều dài toàn tuyến: L = 10,2km
- Bán kính các vũng quay tàu: R = 350m
- Độ sâu đáy luồng: Theo Thông báo hàng hải của Tổng Công ty BĐATHH Miền Bắc gần nhất.

6. Thông số kỹ thuật cầu cảng trong vùng nước cảng biển được thể hiện thống kê theo biểu mẫu với một số nội dung sau:

Tên cảng	Bến cảng	Trọng tải (DWT)	Chiều dài (m)	Công suất (Tấn/năm)	Thông tin khác
<i>Khu bến cảng Diêm Điền</i>	Bến số 1	600	37	300.000	
	Bến số 2	600	37		
	Bến số 3	1.000	75		
<i>Bến cảng xuất nhập xăng dầu Hải Hà</i>		3.000	110	600.000	Cho tàu 1000 DWT giảm tải

7. Giàn khai thác đầu giếng Thái Bình WHP và vùng an toàn hàng hải cho mỏ khí Thái Bình, lô 102&106

Tên	Tọa độ WGS 84		Bán kính
	Vĩ độ	Kinh độ	
Giàn khai thác đầu giếng Thái Bình WHP	20°16'50,210"N	106°42'24,657"E	500m

II - THÔNG TIN CẢNG BIỂN THUỘC TỈNH NAM ĐỊNH

1. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nam Định tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm theo thứ tự ND1, ND2, ND3, ND4 và ND5, được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển đổi sang Hệ tọa độ WGS-84 như sau:

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ(N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
ND1	20°01'00"	106°12'32,65"	20°00'56,42"	106°12'39,40"
ND2	20°01'00"	106°16'53"	20°00'56,42"	106°16'59,75"
ND3	19°55'04"	106°16'53"	19°55'00,42"	106°16'59,75"
ND4	19°55'04"	106°09'53"	19°55'00,42"	106°09'59,75"
ND5	19°57'38,5"	106°09'53"	19°57'34,9"	106°09'59,75"

b) Ranh giới về phía đất liền: được giới hạn từ điểm ND1 và ND5 chạy dọc theo hai bờ sông Ninh Cơ đến đường thẳng cắt ngang sông tại chân cầu Châu Thịnh về phía hạ lưu, thuộc thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu.

2. Thông tin luồng hàng hải Hải Thịnh (tháng 10/2020)

- Đoạn luồng từ phao số 0 đến cặp phao số 9,10: Phạm vi đáy luồng hàng hải rộng 115m;

- Đoạn luồng từ cặp phao số 9,10 đến phao số 20: Phạm vi đáy luồng hàng hải rộng 80m.

- Chiều dài toàn tuyến: L=9,5km

Thông tin khác: Theo Thông báo hàng hải của Tổng Công ty BĐATHH Miền Bắc.

3. Thông số kỹ thuật cầu cảng trong khu vực hàng hải Ninh Cơ

Tên cảng	Bến cảng	Trọng tải (DWT)	Chiều dài (m)	Công suất xếp dỡ	Thông tin khác
1. Cảng Hải Thịnh			200		
	Bến số 1	3.000	120	331.323	
	Bến số 2	3.000	80	T/năm	
2. Cảng cá Nam Định		1.000	192	/	
3. Cảng Quân sự Thịnh Long	Bến số 1	200	30	/	
	Bến số 2	150	30		
4. Cầu cảng trang trí số 2 (Nhà máy ĐT Thịnh Long)		4.500	110		Chuyên dụng

4. Thông tin khu neo đậu tránh trú bão

TT	Khu neo	Tọa độ, vị trí	Diện tích khu neo đậu	Cỡ tàu lớn nhất (DWT)	Ghi chú
1	Khu neo đậu trú bão Hải Thịnh	Từ đường thẳng cắt ngang sông từ mép cầu cảng Hải Thịnh về phía thượng lưu đến đường thẳng cắt ngang sông tại chân cầu Châu Thịnh về phía hạ lưu	82.500.000 (m ²)	12.500	Đã được quy hoạch theo Quyết định số 2494/QĐ-BGTVT, nhưng chưa được công bố
2	Khu neo đậu cho tàu thuyền trong vùng nước cảng biển Nam Định	Tọa độ các điểm khống chế: - K1: 19°57'49,51" N; 106°13'53,95" E - K2: 19°58'16,67" N; 106°14'23,59" E - K3: 19°57'55,18" N; 106°14'45,61" E - K4: 19°57'28,03" N; 106°14'15,97" E	1.100.000 (m ²)	15.000	Kết hợp tránh bão
3	Khu neo đậu chuyên tải xăng dầu tại cửa Lạch Giang	Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 350m, với tâm tại vị trí tọa độ: 19°57'12,30" N, 106°16'05,44" E	384.650 (m ²)	48.000	Kết hợp tránh, trú bão

5. Thông tin các vị trí đón trả hoa tiêu, kiểm dịch

Tên	Ký hiệu	WGS84		Bán kính	Độ sâu	Trọng tải
		Vĩ độ	Kinh độ			
Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch vào luồng Hải Thịnh		19°56'15"N	106°12'41"E	0,4 hải lý	-10,5m	
Vị trí đón trả hoa tiêu khu chuyên tải xăng dầu tại cửa Lạch Giang		19°57'09,05"	106°16'05,43"	350m		

Ranh giới vùng nước cảng biển Thái Bình quy định tại Thông tư số 16/TT-BGTVT ngày 10/8/2020 của Bộ Giao thông vận tải; được xác định trên Hải đồ số VN 40009 do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Bắc phát hành năm 2015; ranh giới vùng nước cảng biển Nam Định được xác định trên Hải đồ số VN 50010 do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Bắc phát hành năm 2015.